TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 21 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa:

Chị Trần Thị S - sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 02219700xxxx, do Cục Cảnh sát QLHC và TTXH cấp ngày 19/6/2023 và anh Lý Xuân T1 - sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 02209600xxxx, do Cục Cảnh sát QLHC và TTXH cấp ngày 06/07/2022.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị S và anh Lý Xuân T1

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh Lý Xuân T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lý Đình T2 – sinh ngày 25/01/2019 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Trần Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2026 cho đến

khi con chung Lý Đình T2 thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: chị Trần Thị S và anh Lý Xuân T1 không có tài sản chung, không có vay nợ chung. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Trần Thị S tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm gồm 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tòa án chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002710 ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị S đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34 và 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 4 -Quảng Ninh;
- UBND xã B, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lý Văn Thái